UBND TỈNH AN GIANG **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3049 /TB-SYT	*An Giang, ngày 24 tháng 9 năm 2021*

THÔNG BÁO
Phê duyệt danh sách đề cử theo đặt hàng trình độ đại học hệ chính quy và hệ liên thông năm 2021

Căn cứ Công văn số 1760/ĐHYDCT ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về việc tuyển sinh theo đặt hàng năm 2021.

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đào tạo theo đặt hàng trình độ đại học ngày 23 tháng 9 năm 2021.

Sở Y tế thông báo danh sách đề cử theo đặt hàng trình độ đại học vào Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2021, cụ thể:

1. Hệ chính quy

- Y đa khoa : 27 (Phụ lục 1);

- Y khoa phục vụ ngành hiếm: 20 (Phụ lục 2);

2. Hệ liên thông: 01 chỉ tiêu Y đa khoa (Phụ lục 3).

Các em có tên trong danh sách được đề cử nêu trên tiếp tục theo dõi Website Sở Y tế để kịp thời nắm bắt thông tin và được hướng dẫn các thủ tục tiếp theo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Website Sở Y tế;
- Trường ĐHYD Cần Thơ;
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

Trần Quang Hiền

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sở Y tế
24-09-2021
15:22:51 +07:00

PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH ĐỀ CỬ ĐÀO TẠO THEO ĐẶT HÀNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số 3049 /TB-SYT ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Sở Y tế)

STT	Họ tên	Ngày sinh	Phái	Địa chỉ	Số báo danh	Toán	Hóa	Sinh	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Điện thoại
1	LÊ HUY THẠNH	29/01/2002	Nam	Huyện Châu Phú	55009995	8.6	8.75	8.75	0.75	26.85	369392866
2	BÙI MỸ HUYỀN	11/10/2003	Nữ	Huyện Thoại Sơn	51000834	8.6	8.25	9.75	0.25	26.85	355427472
3	NGUYỄN QUỲNH CHÂU	27/07/2003	Nữ	Tp. Long Xuyên	51000693	8.2	8.5	9.75	0.25	26.7	949806517
4	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	20/09/2003	Nam	Huyện Chợ Mới	51015858	9.2	8.0	9.0	0.5	26.7	984574274
5	VÕ NGUYỄN PHÚC KHANG	24/09/2003	Nam	Huyện Châu Phú	51005698	9.2	8.0	8.75	0.75	26.7	704842688
6	PHẠM HOÀNG OANH	29/01/2003	Nữ	Huyện Phú Tân	51013301	8.4	8.25	9.5	0.5	26.65	365045171
7	NGUYỄN NGỌC ANH THƯ	25/10/2003	Nữ	Huyện Châu Phú	51005940	8.4	8.8	8.75	0.75	26.65	366106444
8	NGHIÊM THẾ ANH	31/08/2003	Nam	Huyện Phú Tân	51013035	8.8	8.75	8.5	0.5	26.55	388352477
9	NGUYỄN CHÍ TÂM	19/08/2003	Nam	Huyện Châu Thành	51003620	9.0	8.5	8.5	0.5	26.5	985440833
10	CHÂU NHỰT PHÁT	07/01/2003	Nam	Huyện Chợ Mới	51014624	9.0	7.25	9.75	0.5	26.5	353766424
11	TRẦN PHƯƠNG MINH QUÂN	04/11/2003	Nam	Tp. Long Xuyên	51001120	9.2	8.50	8.5	0.25	26.45	966061061
12	LA NGỌC TRÂM	01/04/2003	Nữ	Huyện Châu Thành	51001278	8.2	8.25	9.75	0.25	26.45	812532617
13	NGUYỄN ANH THƯ	18/03/2002	Nữ	Huyện Châu Phú	55011014	8.6	7.25	10.0	0.5	26.35	964072044
14	TRẦN VỈ TƯỜNG	10/01/2003	Nam	Huyện Phú Tân	51013436	8.6	8.25	9.0	0.5	26.35	921938283
15	HUỲNH THÁI NHỰT DUY	13/01/2003	Nam	Tp. Châu Đốc	51007190	8.0	8.3	9.75	0.25	26.25	352210412
16	TRỊNH NGỌC KHOA	04/04/2003	Nam	Tp. Long Xuyên	51001599	8.2	8.75	9.0	0.25	26.2	988633093
17	PHẠM CAO KIM NGÂN	03/07/2002	Nữ	Huyện Chợ Mới	55009820	8.2	8.8	9.0	0.25	26.2	942722223

STT	Họ tên	Ngày sinh	Phái	Địa chỉ	Số báo danh	Toán	Hóa	Sinh	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Điện thoại
18	PHẠM NGỌC THỦY TIÊN	21/08/2003	Nữ	Huyện Châu Phú	51006743	9.4	7.8	8.5	0.5	26.15	353405126
19	NGUYỄN THANH TRUNG	17/06/2002	Nam	Huyện Phú Tân	55007254	8.4	8.50	8.75	0.5	26.15	364198947
20	THÁI TRẦN THẢO NGỌC	16/09/2002	Nữ	Huyện Chợ Mới	55006934	8.4	7.75	9.5	0.5	26.15	399399849
21	NGUYỄN KIM HÀ	12/09/2003	Nữ	Huyện Thoại Sơn	51003801	7.6	8.75	9.25	0.5	26.1	399419735
22	NGUYỄN THANH TÂM	04/08/2002	Nam	Tp. Châu Đốc	55007094	8.6	8.50	8.75	0.25	26.1	365308760
23	NGUYỄN THỊ MỸ HUỲNH	29/09/2003	Nữ	Huyện An Phú	51010417	8.6	7.75	9.25	0.5	26.1	967001510
24	VÕ HỮU TÀI	05/08/2003	Nam	Huyện Tri Tôn	51010199	7.8	8.0	9.5	0.75	26.05	329380081
25	NGUYỄN THÀNH PHÁT	20/10/2001	Nam	Huyện Thoại Sơn	55005400	8.0	8.75	9.0	0.25	26.0	983043324
26	NGUYỄN THỊ THẢO NHI	19/02/2003	Nữ	Huyện Phú Tân	51013268	8.2	8.25	9.0	0.5	25.95	353920792
27	DIỆP NGUYỄN THÁI DƯƠNG	28/10/2002	Nam	Tp. Châu Đốc	51007203	8.2	8.25	9.25	0.25	25.95	914623291

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sở Y tế
24-09-2021
15:23:25 +07:00

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH ĐỀ CỬ ĐÀO TẠO THEO ĐẶT HÀNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ NĂM 2021 (Y KHOA PHỤC VỤ NGÀNH HIẾM)

(Kèm theo Thông báo số 3049 /TB-SYT ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Sở Y tế)

STT	Họ tên	Ngày sinh	Phái	Địa chỉ	Số báo danh	Điểm thi				Tổng điểm	Chuyên ngành	Điện thoại
						Toán	Hóa	Sinh	Điểm ưu tiên			
1	CÙ KHÔI NGUYÊN	15/03/2002	Nam	Tp. Long Xuyên	55006947	7.8	8.5	9.5	0.25	26.05	Lao	886084622
2	VÕ CAO MINH	02/09/2002	Nam	Tp. Long Xuyên	55006877	9.0	7.75	8.75	0.25	25.75	Lao	949440026
3	ĐOÀN VĂN CẢNH	15/12/2002	Nam	Huyện Chợ Mới	55005044	8.2	8	9	0.5	25.7	Lao	393455496
4	TRẦN THỊ MỸ UYÊN	31/05/2002	Nữ	Huyện Chợ Mới	55007291	8.2	8.75	8.25	0.5	25.7	Lao	354399801
5	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	19/06/2003	Nữ	Huyện An Phú	51011040	8.4	7.5	9	0.75	25.65	Lao	944811841
6	PHẠM HUỲNH PHƯƠNG UYÊN	12/08/2002	Nữ	Huyện Chợ Mới	55007813	8.6	8.5	8	0.5	25.6	Tâm thần	943346152
7	NGUYỄN TRẦN NGỌC VÂN	13/02/2003	Nữ	Huyện Tịnh Biên	51009286	8.8	7.25	8.75	0.75	25.55	Phong	368487769
8	NGUYỄN THÔNG DỤNG	04/09/2003	Nam	Huyện Chợ Mới	51004527	9	8.75	7.25	0.5	25.5	Lao	334801920
9	TÔ MINH MẪN	26/02/2002	Nam	Huyện Chợ Mới	51015042	8	8.5	8.5	0.5	25.5	Lao	778183083
10	NGUYỄN NGỌC HÂN	30/11/2003	Nữ	Huyện Chợ Mới	51015794	8.2	8.25	8.5	0.5	25.45	Pháp y	362604847
11	LÊ NGỌC ANH THƯ	12/09/1994	Nữ	Huyện Thoại Sơn	51003286	8.2	7	8.75	1.5	25.45	Phong	357440088
12	LÊ VŨ YẾN TRINH	02/10/2002	Nữ	Huyện Thoại Sơn	88005628	8.4	8.25	8.25	0.5	25.4	Phong	353215209
13	VÕ THÀNH PHÚC	05/12/2003	Nam	Tp. Long Xuyên	51001096	8.4	8.75	8	0.25	25.4	Phong	976920707
14	NGUYỄN THỊ YẾN LINH	04/08/2001	Nữ	Huyện Tịnh Biên	55009764	8.4	7.5	8.75	0.75	25.40	Phong	376229524
15	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	19/11/2003	Nữ	Huyện Thoại Sơn	51003314	8.6	8	8.25	0.5	25.35	Tâm thần	355806272
16	LÊ HUỲNH LAN VY	27/01/2003	Nữ	Huyện Châu Phú	5.1E+08	8.6	8	8.25	0.5	25.35	Phong	983631757
17	PHAN MINH TRÍ	16/08/2003	Nam	Huyện Chợ Mới	51001298	8	7.75	9.25	0.25	25.25	Phong	706645474
18	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	05/02/2002	Nam	Huyện Chợ Mới	55010119	8.4	7.75	8.75	0.25	25.15	Giải phẫu bệnh	849007767
19	ĐINH CÔNG KHANH	18/09/2002	Nam	Huyện Chợ Mới	55006776	8.2	8.25	8.25	0.5	25.2	Tâm thần	915111821
20	VÕ TRIỆU GIA HÂN	21/06/2003	Nữ	Huyện Phú Tân	51013125	8.6	8.5	8.25	0.5	25.85	Phong	919463001

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sở Y tế
24-09-2021
15:23:48 +07:00

PHỤ LỤC 3

DANH SÁCH ĐỀ CỬ ĐÀO THEO ĐẶT HÀNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ LIÊN THÔNG VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số 3049 /TB-SYT ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Sở Y tế)

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ	Ngành	Điểm thi			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Số điện thoại
						Môn 1	Môn 2	Môn 3			
1	NGUYỄN HỮU THOẠI	Nam	15/06/1994	Huyện Chợ Mới	Y khoa	7.6	7.75	8.25	1.5	25.1	942241130